

Bản án số: 16/2021/DS-ST
Ngày **24-3-2021**
V/v tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Bích Hiệp;

2- Bà Thị Amina.;

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thành - Kiểm sát viên.

Ngày **24 tháng 3 năm 2021**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2020/TLST-DS ngày 12-10-2020 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ 6, ấp Đông Tiến, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Chị Đoàn Thị Tuyết M, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 15, ấp Đông Tiến, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày **30-9-2020** cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

Do quen biết với nhau, chị H cho chị M vay tiền nhiều lần; ngày 01-7-2020, chị M cộng tiền nợ còn nợ chị Hà số tiền 516.800.000 đồng, có viết giấy, không thỏa thuận trả tiền lãi, không thỏa thuận ngày trả. Ngoài ra, ngày 20-02-2020, chị M vay của chị H 100.000.000 đồng, khi vay thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, chị M viết và ký giấy nợ, không hẹn ngày trả nợ. Chị M không thể chấp tài sản gì. Chị H đòi nợ nhiều lần nhưng chị M không trả.

Nay chị H yêu cầu chị M trả số tiền 633.333.600 đồng, trong đó tiền gốc 616.800.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày vay đến ngày xét xử tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện 16.533.600 đồng.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Ngày 20-02-2019, chị M vay 100.000.000 đồng của chị H nhưng đã trả tiền, khi trả tiền chị H không đưa giấy vay tiền nên chị M không hủy bỏ giấy vay tiền. Chị M chỉ thừa nhận chị H hốt hụi cho chị M vay số tiền 516.800.000 đồng. Vì vậy, chị M chỉ đồng ý trả cho chị H số tiền 516.800.000 đồng, không đồng ý trả số tiền vay 100.000.000 ngày 20-02-2019 và tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 146, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016** ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H đối với chị Đoàn Thị Tuyết M về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Đoàn Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị H tiền gốc 616.800.000 đồng và tiền lãi mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày vay đến ngày xét xử ngày 24-3-2021.

2/ Về án phí: Chị Đoàn Thị Tuyết M phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H: Do quen biết với nhau chị H cho chị M vay tiền nhiều lần; ngày 01-7-2020, chị M cộng nợ còn nợ chị H số tiền 516.800.000 đồng. Ngoài ra, ngày 20-02-2020 chị M còn vay của chị H số tiền 100.000.000 đồng, tổng cộng 616.800.000 đồng; chị M viết và ký giấy nợ; không hẹn ngày trả nợ. Chị M chỉ thừa nhận còn nợ chị H số tiền 516.800.000 đồng; còn số tiền 100.000.000 đồng vay ngày 20-02-2019, chị M đã trả tiền, khi trả tiền chị H không đưa giấy vay tiền nên chị M không hủy bỏ giấy nợ. Chị Mai chỉ đồng ý trả cho chị H số tiền 516.800.000 đồng, không đồng ý số tiền 100.000.000 và tiền lãi. Căn cứ giấy nhận nợ ngày 01-7-2020 và ngày 20-02-2020

thể hiện chị M vay của chị H số tiền 616.800.000 đồng. Chị M không đồng ý trả số tiền 100.000.000 đồng vì chị M có vay nhưng đã trả. Chị M không có chứng cứ đã trả tiền cho chị H. Vì vậy, có cơ sở xác định chị M có vay tiền của chị H số tiền 616.800.000 đồng.

[2] Về tiền lãi: Chị H yêu cầu chị M trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày vay tạm tính đến ngày đến ngày nộp đơn khởi kiện là 16.533.600 đồng và tiếp tục trả tiền lãi đến ngày xét xử và tại phiên tòa chị H yêu cầu chị M trả tiền lãi theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng ngày 20-02-2020 là Hợp đồng vay không có thời hạn, có thỏa thuận trả tiền lãi nhưng không thống nhất mức lãi suất, không hẹn ngày trả nợ nên mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính tiền lãi từ ngày vay đến ngày xét xử là từ ngày 20-02-2020 đến ngày 24-3-2021 là 13 tháng 04 ngày số tiền lãi là $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 13 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 10.900.600 \text{ đồng}$. Đối với số tiền 516.800.000 là Hợp đồng vay không có thời hạn, không thỏa thuận trả tiền lãi, không hẹn ngày trả nợ nên mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi suất từ ngày phát sinh tranh chấp đến ngày xét xử là từ ngày 05-10-2020 đến ngày 24-3-2021 là 05 tháng 19 ngày số tiền lãi là $516.800.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 05 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 24.163.845 \text{ đồng}$, tổng cộng tiền lãi là 35.064.445 đồng, khấu trừ số tiền lãi chị H đã nhận là 12.500.000 đồng còn lại 22.564.445 đồng.

[3] Từ [1], [2] Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Buộc chị M có nghĩa vụ trả cho chị H 616.800.000 đồng tiền gốc và 22.564.445 đồng tiền lãi, tổng cộng 639.364.445 đồng.

[4] Về án phí: Chị Đoàn Thị Tuyết M phải chịu 29.573.857 đồng án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 146, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016** ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H đối với chị Đoàn Thị Tuyết M về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Đoàn Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị H tiền gốc 616.800.000 (sáu trăm mười sáu triệu tám trăm ngàn) đồng, tiền lãi 22.564.445 (hai mươi hai triệu năm trăm sáu mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày chị Lê Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Đoàn Thị Tuyết M chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng chị M phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Chị Đoàn Thị Tuyết M phải chịu **29.573.857 (hai mươi chín triệu năm trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm năm mươi bảy)** đồng án phí sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Lê Thị H **14.667.000 (mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn)** đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0001183, ngày 12-10-2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Chị Lê Thị H, chị Đoàn Thị Tuyết M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ xét xử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Thu